TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2019/DS-PT
Ngày: 07-06-2019
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh và Ông Bùi Đức Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2019/QĐ-PT ngày 16/04/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐ-PT ngày 07/5/2019, số 28/2019/QĐ-PT ngày 16/5/2019 và số 34/2019/QĐ-PT ngày 24/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**; Sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 5, khu DT, phường CB, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**; Sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà 291, tổ 5, khu 5B, phường BC, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Lê Khắc H1** – Luật sư văn phòng luật sư VD, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Vũ Như P**; Sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 5, khu DT, phường CB, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Người đại diện theo ủy quyền: chị **Nguyễn Thị X;** Địa chỉ: Tổ 5, khu DT, phường CB, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Anh **Phạm An H2**; Sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà 291, tổ 5, khu 5B, phường BC, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm An H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nội dung vụ án theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và chị Nguyễn Thị H là chị em gái ruột. Chị H có hỏi vay tiền chị nhiều đợt với mục đích xây nhà và trang trải công việc gia đình, vì là chị em gái nên tôi cho vay không lấy lãi và cũng không viết giấy tờ gì. Tôi có cho chị H vay những đợt như sau:

Đợt 1: Tháng 04/2009 vay 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) để vợ chồng chị H xây nhà;

Đợt 2: Tháng 07/2011 vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) để xin việc cho con chị H là Phạm Văn C;

Đợt 3: Tháng 08/2016 vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để chị H chuyển việc cho con;

Đợt 4: Tháng 08/2017 vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) chồng tôi là anh P cho chị H vay để đóng học cho con chị H là Phạm Anh H3 nhập đại học;

Và số tiền lặt vặt cộng lại là 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng).

Tổng số tiền chị H đã vay tôi là: 1.498.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).

Tôi đã đòi nhiều lần nhưng chị H cứ hứa nhưng không trả. Đến ngày 03/01/2018 (âm lịch) vợ chồng tôi có sang nhà chị H anh H2 chúc tết, tôi có nhắc đến việc trả nợ, chị H anh H2 nói chưa có tiền trả và chị H viết giấy vay tiền xác nhận tổng số tiền nợ cho tôi và hẹn ngày 30/04/2018 trả để cho vợ chồng tôi yên tâm. Vì tin tưởng nên tôi cầm giấy mà không yêu cầu anh H2 kí vào. Từ đó cho đến nay tôi đã đòi rất nhiều lần nhưng anh chị không trả, nên tôi buộc phải khởi kiện yêu cầu chị H và anh H2 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng tôi số tiền gốc đã cho vay là 1.498.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu đồng), tôi không yêu cầu tính lãi.

Nội dung vụ án theo bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2016, tôi có cần một số tiền để chữa bệnh và sử dụng vào mục đích cá nhân, nên có đặt vấn đề vay của cô Nguyễn Thị X (em gái ruột của tôi) thì cô X đồng ý. Cụ thể số tiền vay là:

Ngày 07/11/2016, vay 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng);

Ngày 06/12/2016, vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng);

Ngày 20/12/2016, vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Ngày 22/01/2017, vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

Ngày 24/01/2017, vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Ngày 06/09/2017, vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tổng cộng là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Khi vay thì chỉ có tôi và cô X biết, không viết giấy vay nợ gì và không tính lãi. Đến ngày 15/04/2018, vợ chồng cô X đã dẫn xã hội đen đến nhà tôi đòi trả nợ, tôi không có tiền để trả ngay nên cô X đọc cho tôi viết nhiều lần giấy nhận nợ nhưng viết xong cô X lại không đồng ý, đến khi viết giấy nhận số nợ 1.498.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu đồng) thì cô X mới đồng ý.

Đến nay cô X khởi kiện yêu cầu tôi trả 1.498.000.000 đồng, tôi không đồng ý. Tôi chỉ đồng ý trả số tiền gốc + nợ lặt vặt tôi đã vay là 480.000.000 đồng, tôi sẽ trả làm 06 đợt mỗi đợt 80.000.000 đồng, thời điểm bắt đầu trả là từ ngày 01/11/2018 đến ngày 30/12/2019 tôi sẽ trả hết số nợ 480.000.000 đồng trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Như P trình bày: Về số nợ như chị X vợ anh trình bày là đúng. Đây là số tiền do vợ chồng anh lao động tích cóp mà có nên anh yêu cầu vợ chồng chị H phải trả cho vợ chồng anh, do là chị em trong gia đình nên vợ chồng anh không yêu cầu trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm An H2 trình bày: Anh không hề biết việc vợ anh (là Bùi Thị H) vay chị X số tiền bao nhiêu, vay để làm gì. Chị H không dùng số tiền vay để phục vụ các mục đích của gia đình nên quan điểm của anh là anh không biết nên anh không đồng ý trả..

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm d khoản 3 Điều 203, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Phạm An H2 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Như P số tiền 1.498.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất, nghĩa vụ chịu án phí và quyền thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 và ngày 29 tháng 11 năm 2018, chị Nguyễn Thị H, anh Phạm An H2 làm đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xác minh, điều tra làm rõ và giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các nội dung đã trình bày, Chị H và anh H2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các quan điểm đã trình bày tại Tòa án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng trong việc không tiến hành đối chất, không có kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm và không đưa anh Vũ Như P tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn mà lại xác định là người liên quan; Ngoài ra việc Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không khách quan vì vậy đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Kháng cáo của chị H không có căn cứ chấp nhận tuy nhiên việc bản án sơ thẩm tuyên anh H2 liên đới cùng chị H trả khoản nợ 1.498.000.000 đồng là không đúng vì đây là khoản nợ riêng của chị H. Đề nghị sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về thủ tục tố tụng**:

Chị H, anh H2 và người bảo vệ quyền lợi ích của chị H cho rằng Tòa sơ thẩm đã vi phạm tố tụng trong việc không tiến hành đối chất, không có kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm và không đưa anh Vũ Như P tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Theo qui định tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS thì đối chất không phải là qui định bắt buộc, hơn nữa ngày 22/8/2018 chị X đã có đơn đề nghị từ chối đối chất nên khẳng định Tòa sơ thẩm không tiến hành đối chất là đúng. Vụ án này không thuộc trường hợp Kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS nên việc kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm cũng là đúng qui định pháp luật. Đối với việc không đưa anh Vũ Như P tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn thì theo qui định tại Điều 5 BLTTDS, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, anh P không khởi kiện vụ án nên Tòa án không thể xác định anh P là nguyên đơn. Tòa án đã đưa anh P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì vậy không chấp nhận các lí do đưa ra của người kháng cáo và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc thu thập chứng cứ, chứng minh, các thủ tục tố tụng cũng như thành phần Hội đồng xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm theo yêu cầu của chị H anh H2 và người bảo vệ quyền lợi ích của chị H.

[2] **Về nội dung**:

Tại Giấy vay tiền nguyên đơn nộp tại Tòa án thể hiện: chị Nguyễn Thị H có vay của chị Nguyễn Thị X số tiền 1.498.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu đồng), hẹn đến 30/4/2018 sẽ trả, nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chị H thừa nhận giấy vay tiền này là do mình viết và kí tên tuy nhiên chị cho rằng khi viết và kí tên là do bị chị X ép buộc nhưng chị không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Chị H cho rằng mình chỉ vay của chị X 480.000.000 đồng mục đích để đi chữa bệnh và chi tiêu cá nhân nhưng chị X không thừa nhận và chị H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ngoài một bản kê Giấy vay nợ mà chị H tự kê, không có xác nhận của chị X và chị X cũng không thừa nhận Giấy vay nợ này.

Xem xét 5 tờ giấy vay nợ, vay tiền, thanh toán nợ do chị H cung cấp cho Tòa án thấy, chị H cho rằng bị ép nên chị phải viết 5 tờ giấy này và nội dung 5 tờ giấy là do chị X đọc cho chị viết, viết cùng một thời điểm. Tuy nhiên, 5 tờ giấy chị H cung cấp cho Tòa án có cùng một mầu mực, loại bút trong khi giấy vay nợ chị X cung cấp cho Tòa án lại có màu mực, loại bút khác. Chị H cho rằng tờ giấy vay nợ cuối cùng chị H viết có một bản và khi viết xong chị X giữ luôn nhưng khi

nộp cho Tòa án chị H vẫn có thêm một bản để nộp. Lí giải điều này chị H cho rằng sau khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án, chị đã sao chụp hồ sơ và về viết lại nội dung của giấy vay nợ này và có sự khác nhau về màu mực là do hết mực chị phải đi mua bút. Nếu có việc chị H còn có thời gian đi mua bút thể hiện chị không bị ép buộc gì trong việc viết giấy vay nợ này. Ngoài ra việc tờ giấy vay nợ chị viết sau khi sao chụp hồ sơ vụ án có cùng màu mực với 4 tờ giấy trước đó và việc chị không giải trình được vì sao số tiền 480.000.000 đồng nợ gốc mà số lãi lại là 1.002.800.000 đồng theo nội dung giấy thanh toán nợ mà chị đã cung cấp đã thể hiện lời khai của chị H là không có căn cứ. Vì vậy khẳng định chị H có vay chị X tổng số tiền là 1.498.000.000 đồng.

Xem xét nghĩa vụ liên đới của anh Phạm An H2 (là chồng chị H) thấy: Tại Giấy vay tiền mà chị X cung cấp có Tòa án thể hiện chị H có vay tiền của chị X, mục đích vay không ghi, anh H2 không cùng kí vào giấy vay tiền này. Anh H2 cũng có lời khai khẳng định anh không hề biết việc chị H vay tiền của chị X cho đến khi Tòa án thông báo anh mới biết. Chị X khai chị H vay tiền mục đích để xây nhà, xin học cho con và vì nhu cầu chung của gia đình chị H nhưng chị H không thừa nhận. Anh H2 không biết chị H vay tiền và khẳng định không thấy chị H sử dụng số tiền lớn nào phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Chị X cho rằng anh H2 có biết việc chị H vay tiền của chị nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Vì vậy xác định đây là số nợ riêng của chị H, buộc chị H phải trả. Bản án sơ thẩm xác định đây là khoản nợ chung chị H vay để sử dụng vào nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình và buộc anh H2 chịu trách nhiệm liên đới là không đúng, vì vậy sửa nội dung này của bản án sơ thẩm.

Tòan bộ số tiền 1.498.000.000 đồng là tiền của vợ chồng chị X anh P tiết kiệm trong thời kì hôn nhân nên buộc chị H phải trả cho cả chị X và anh P. Khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi suất và chị X cũng không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì vậy, xét kháng cáo của chị H là không có căn cứ để chấp nhận. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh H2.

[3] Về án phí:

Do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H nên chị H phải chịu án phí phúc thẩm, anh Phạm An H2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm An H2. Sửa Bản án sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X. Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Như P số tiền 1.498.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 56. 940.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, chín trăm, bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000456 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Chị H còn phải chịu 56. 940.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, chín trăm, bốn mươi nghìn đồng) án phí.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu) theo Biên lai thu tiền số 0001313 ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

- Hoàn trả cho anh Phạm An H2 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tiền số 0000457 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án ND tp Hạ Long;
- Chi cục Thi hành án Tp Hạ Long;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang